

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2023

Về việc: “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Định.

2. Bà Đinh Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Đỗ Đình Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/11/2022, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L – sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Đak Djrăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai – Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S – sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Đak Djrăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Phan Thị Kim L trình bày: Tôi và ông Nguyễn Văn S sau quá trình tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến với nhau từ năm 1983 nhưng không có đăng ký theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc. Tuy nhiên những năm gần đây tình cảm vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, không hòa hợp, mâu thuẫn quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì cuộc sống hôn nhân giữa tôi và ông S không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn M, sinh ngày 01/01/1985 và Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 06/12/1989. Các con tôi hiện đã lớn, trưởng thành và tự lập được nên tôi không yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Tôi và bà Phan Thị Kim L qua quá trình tìm hiểu đã tự nguyện đi đến với nhau từ năm 1983 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như bà L trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng tôi sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải với nhau nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện. Vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, bà L khởi kiện xin ly hôn thì tôi thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên cũng chấp nhận ly hôn bà Phan Thị Kim L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn M, sinh ngày 01/01/1985 và Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 06/12/1989. Các con tôi hiện đã lớn, trưởng thành và tự lập được nên tôi không yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L chung sống với nhau từ năm 1983. Trước khi chung sống, ông bà có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tuy không được sự đồng ý của hai bên gia đình và ông bà cũng không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy việc chung sống của ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L là tự nguyện nhưng việc ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đã vi phạm vào các quy định về kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Do vậy, việc ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L là những công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức. Lẽ ra ông bà phải nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện, bất chấp những quy định của pháp luật, điều này ông bà cần rút kinh nghiệm.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn được, ông bà đều thể hiện ý chí xin được ly hôn. Như vậy, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được, đáng lẽ ra Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L

và công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà nhưng như đã phân tích ở trên do ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L là vợ chồng là hợp lý.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn M, sinh ngày 01/01/1985 và Nguyễn Tấn Kh sinh ngày 06/12/1989. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông bà không có yêu cầu gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung và tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2022 thì cháu M và cháu Kh đều không có ý kiến gì do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L là vợ chồng.

- Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 235 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim L là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010782, ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai; bà Loan đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- UBND xã Đak Djrăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Thanh